CÁC TB NỘI TIẾT CƠ TIM

— TB cơ đặc biệt

C. TẠO = TB cơ tim + HẠT CHẾ TIẾT
- có vỏ bọc
- 2 cực nhân
- dưới màng BTg (xen kẽ TB cơ)

CHỨA TIỀN HORMON
- CDD (cardio dilatan) → Giãn tim
- ANP (CARDIAL NATRIURIC POLYPEPTID) (126 aa) → Tăng bài Na+ niệu

xuất bào

đoạn aa đi vào máu

ức chế bài tiết
- ARGININ - VASOPRESSIN (thùy sau tuyến yên)
- ALDOSTEROL (vỏ thượng thận)

} → Giãn mạch, hạ HA, lưu lượng máu

CƠ TRƠN

- ko có vân ngang
- Ko PHĐ theo ý muốn → HTK thực vật chi phối

@
- THÀNH TẠNG RỖNG
- THÀNH MẠCH
- DA

XƠ CƠ

GỒM
- ACTIN
  - hướng: [dọc, xiên] quấy kín MYOSIN
  - tỉ lệ A/M 2/1 → 14/1)
- MYOSIN
- XƠ TRUNG GIAN
  - chủ yếu: DESIMIN
  - BIT, THÀNH MẠCH: VIMENTIN

} ⇒ Bó, chạy dọc sợi cơ

cơ vân: 2/1 → 4/1

L. KẾT
- ACTIN: ĐÍNH VÀO KHUNG
  - THỂ ĐẶC (1 cơ tương)
  - TẤM ĐẶC sát màng (chú ý nối vs nhau THÀNH LƯỚI)

cơ co → BỀ MẶT SỢI CƠ LỒI LÕM

LIVEWORKSHEETS

SỢI CƠ TRƠN

Hình thoi — Nhân
- 1 - trứng, que, gãy khúc
- @ phần phình, giữa
- 1-2 hạt nhân
- CNS: cụm nhỏ, sát màng nhân

2 màng
- màng Bào tương
- màng đáy

Mất ngoài
- Sợi tạo keo
- Sợi võng nhỏ

} → Gắn các sợi cơ

Bài — Thuỳ
- Tử cung mẹ bầu: 0,5mm
- Thành ruột: 0,2mm
- Thành mạch máu: 20 µm

Bào quan

- Golgi nhỏ; gần nhân
- Ti thể — que; cầu
  - 2 cực nhân
- LNB:
  - kém PT
  - Quanh nhân
  - Gần màng
- Thể đào
  - nhỏ - thoi ◊ - đậm
  - Rải rác cơ tương
- Tấm đặc
  - nhỏ - thoi ◊
  - Sát màng Bào tương
- Myoglobin
- Ribosom
- Xơ cơ

MÔ CƠ TRƠN

— Sợi cơ → Bó

Khoảng Gian Bào
- Chất gian bào
- Sợi
  - Collagen
  - Võng

- cắt ngang → tròn, đa giác

Giữa các bó sợi cơ
- MLK
- mạch máu (= PP = cơ vân)
- mạch BH
- TK

} mb cơ ở thành mạch máu ăc nuôi = cách ichhếch tán

@
- Da: cơ dựng lông
- Thuyên tiền liệt, túi tinh: cơ trơn rải rác (-) MLK
- Tạng rỗng — Thg 2 lớp
  - (-): sợi cơ hướng vòng
  - Nhoài: sợi cơ hướng dọc
  - Dạ dày: cuối niêu quản thêm lớp hướng xiên/dọc
  - m. mau (lớp áo giữa thành mạch): xoắn ốc
  - Thành tử cung: các các nhánh nối nhau

LIVEWORKSHEETS